TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PT** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2018
V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Dũng
- *Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Đình Phùng.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận - Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2017/TLST- HNGĐ ngày 02-10-2017, về: "*Tranh chấp hôn nhân- gia đình xin ly hôn và nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Bảo T, sinh năm 1992. Cư trú ấp HH, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Trương Văn N, sinh năm 1991. Cư trú ấp HH, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.

Chị T và anh N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28-7-2017; bản tự khai ngày 07-11-2017 thì chị Nguyễn Thị Bảo T trình bày:

- Vào năm 2015 chị với anh N thành vợ, chồng có tổ chức lễ cưới, được sự đồng ý của cha, mẹ đôi bên và có đăng ký kết hôn.(theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 07-7-2015 do Ủy ban nhân dân (UBND) xã PH cấp). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên cờ bạc, không lo gia đình, thường xuyên cự cải, chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh không thay đổi, đôi lúc còn hành hung chị, vì vậy chị ra đi từ tháng 6-2017 và chính thức ly thân từ đây.

- Con chung có 01 đứa tên Trương Nguyễn Bảo B, sinh này 19-02-2016, đang sống với chị.

- Về tài sản; về nợ phải thu và nợ phải trả: Không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 22-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện PT thì anh Trương Văn N trình bày:

- Vào khoảng tháng 02 năm 2015 âl anh và chị T thành vợ, chồng, có tổ chức lễ cưới, cha, mẹ đôi bên đồng ý và có đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 07-7-2015 do UBND xã PH cấp). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 8-2017 thì chị T đồng tình luyến ái với người phụ nữ khác tên Vân

(không biết họ và địa chỉ cụ thể), đôi bên cự cải cha, mẹ T có đến nhà và anh đuổi T ra đi từ đó đến nay.

- Con chung có 01 đứa tên Trương Nguyễn Bảo B, sinh này 19-02-2016, đang sống với chị T.

- Về tài sản; về nợ phải thu và nợ phải trả: Không có.

Chị T yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: xin ly hôn với anh N.

- Về quan hệ con chung: Được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản; nợ phải thu và nợ phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Hiện tại không đồng ý ly hôn và cũng không đồng ý chung sống lại mà khi con được 10 tuổi mới đồng ý ly hôn, vì việc làm của T đã xúc phạm danh dự và nhân phẩm anh.

- Về quan hệ con chung: Nếu T kiên quyết ly hôn thì yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu T cấp dưỡng.

- Về quan hệ tài sản; nợ phải thu và nợ phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

{1} Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1.1] Anh N đã được triệu tập để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy đã lập các biên bản không tiến hành được phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (theo bút lục các số: 20, 21, 22, 29, 30, 31 và 38).

{1.2} Theo quyết định hoãn phiên tòa số 27/2017/QĐST-DS ngày 23-3-2018 thì thời gian mở lại phiên tòa là vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 17-4-2018, nhưng thời gian nầy các vị Hội thẩm nhân dân phải đi tập huấn, vì vậy theo thông báo dời ngày mở phiên tòa là vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 16-4-2018.

{1.3} Chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt, vì vậy (HĐXX) căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T.

{1.4} Anh N đã được triệu tập xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

{ 2} Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân giữa chị T với anh N có đăng ký kết hôn vào năm 2015 (bút lục số 01), đây là hôn nhân hợp pháp được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra.

- Về nguyên nhân ly thân: Chị T cho rằng anh N thường xuyên cờ bạc, không lo gia đình, thường xuyên cự cải, chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh không thay đổi, đôi lúc còn hành hung chị, vì vậy chị ra đi từ tháng 6-2017 và chính thứcc ly thân từ đây (bút lục 19). Anh N cho rằng chị Trang đồng tình luyến ái với người phụ nữ khác tên Vân (không biết họ và địa chỉ cụ thể), đôi bên cự cải cha,

mẹ T có đến nhà và anh đuổi T ra đi từ đó đến nay (bút lục 39). HĐXX xét thấy lời khai của anh N không có cơ sở để xem xét, vì anh không cung cấp được họ và địa chỉ của người mà anh cho rằng chị T đã đồng tình luyến ái để HĐXX xác minh làm rõ xem có hay không, mặc khác Tòa án đã có thông báo phiên họp hòa giải lần thứ 3 để động viên vợ, chồng chung sống lại nhưng anh vẫn không đi, hơn nữa anh yêu cầu 8 năm sau, khi con anh 10 tuổi tức đến năm 2026 anh mới đồng ý ly hôn, đáng lẽ anh không đồng ý ly hôn thì phải chung sống lại nhưng anh vẫn không đồng ý chung sống lại, điều đó cho thấy hạnh phúc anh, chị không thật sự còn, có chung sống lại cũng không hạnh phúc, vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

{2.2} Về quan hệ con chung: Chị T và anh N thống nhất có 01 con tên Trương Nguyễn Bảo B, sinh ngày 19-02-2016, đang sống với chị T. Anh N và chị T đều yêu cầu được nuôi, HĐXX xét thấy theo quy định tại khoản 3 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định "Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi...", hơn nữa từ khi ly thân đến nay cháu đều sống với sự nuôi dưỡng chăm sóc của chị T thì ít nhiều cũng gắn bó tình cảm hơn, mặc khác nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển tâm, sinh lý của cháu, do đó nên giao con cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Đáng lẽ anh N phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị T không yêu cầu, vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.3} Về quan hệ tài sản; quan hệ nợ phải thu: Chị T và anh N thống nhất khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết (bút lục 19 và 39), vì vậy HĐXX không xem xét.

{2.4}Về nợ phải trả: Chị T và anh N thống nhất khai không có (bút lục 19 và 39), vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

{2.5} Về án phí DSST: Chị T phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

{3} - Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng anh N được triệu tập hợp lệ 02 lần để tiến hành phiên họp, hòa giải và xét xử nhưng không đến điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật chưa thật sự nghiêm. Về nội dung, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ pháp luật đề nghị HĐXX xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1, Điều 51; Điều 56; Khoản 3, Điều 81; các khoản 2, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 271, 273, 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

- Chị Nguyễn Thị Bảo T được ly hôn với anh Trương Văn N.

- Chị Nguyễn Thị bảo T được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đứa con tên Trương Nguyễn Bảo B, sinh này 19-02-2016, nhưng chị T không được ngăn cản mà phải tạo điêu kiện thuận lợi khi anh N đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẳn), theo biên lai thu số 0016156 ngày 02-10-2017 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Chị Trang không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị T và anh N có quyền kháng cáo thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện PT;
- VKSND huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thành Dũng